TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DSST
Ngày: 14-9-2020
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư
2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- *Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy* – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐST-DS ngày 17/07/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST- DS ngày 03/8/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 87/2020/ QĐST- DS giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 31 đường T, tổ 2, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại H; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Tấn T, chức vụ Giám đốc.

3. *Người làm chứng*:

- Ông Lê Duy T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
- Ông Võ Hữu H, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông D, ông T có mặt; Công ty trách nhiệm Hữu hạn sản xuất – xây dựng và Thương mại H, ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/02/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại H (gọi tắt là Công ty H) trước đây thuê mặt bằng tại địa chỉ 385 V, tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi tìm hiểu ông thống nhất tham

gia góp tài sản bằng tiền VNĐ để kinh doanh dịch vụ gia công, lắp đặt hàng nội thất (cửa nhôm kính, lan can, cầu thang…) vào Công ty H số tiền 150.000.000 đồng theo 02 hợp đồng góp vốn: Hợp đồng góp vốn ngày 03/01/2018, vốn góp 100.000.000 đồng và hợp đồng góp vốn ngày 05/02/2018 vốn góp 50.000.000 đồng. Ông đã giao đủ số tiền 150.000.000 đồng cho Công ty H do ông Huỳnh Tấn T là giám đốc, đại diện theo pháp luật nhận và hai bên đã ký hợp đồng theo quy định. Theo thỏa thuận ông tham gia làm việc tại Công ty với nhiệm vụ kế toán, báo cáo thuế và cùng tham gia tìm kiếm khách hàng với Công ty. Tuy nhiên, thời gian góp vốn vào Công ty ông thấy cách làm việc và quản lý vốn của Công ty không phù hợp với quy định nên ông đã thông báo bằng văn bản cho Công ty và giám đốc Công ty xin rút vốn báo trước 30 ngày theo thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng góp vốn. Ngày 05/09/2019, 01/11/2018, 15/3/2019, 28/3/2019 ông đã liên tiếp gửi Giấy đề nghị thanh toán rút vốn nhiều lần nhưng Công ty H hứa hẹn không thực hiện trả vốn góp cho ông, đến ngày 28/6/2019 Công ty H nhận trực tiếp thông báo rút vốn của ông và cam kết sau 03 tháng sẽ trả lại cho ông số tiền 150 triệu đồng, tuy nhiên từ đó đến nay Công ty H không trả nợ. Đến thời điểm hiện nay ông tìm hiểu thì được biết Công ty H không còn hoạt động tại địa chỉ này và nay chuyển đến địa chỉ nào cũng không thông báo cho ông biết, cố tình trốn tránh không trả vốn góp cho ông. Công ty H đã lợi dụng niềm tin, cố tình không thực hiện cam kết theo hợp đồng góp vốn nhằm chiếm đoạt tài sản của ông. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty H phải trả cho ông số tiền 177.538.000 đồng, trong đó: Tiền góp vốn vào Công ty là 150.000.000 đồng. Tiền lương ông làm việc tại Công ty là 18.000.000 đồng. Tiền lợi nhuận (tiền lãi kinh doanh) theo thỏa thuận tại Hợp đồng góp vốn là 9.538.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ ông Nguyễn Quốc D giao nộp gồm có: Hợp đồng góp vốn ngày 05/02/2018, ngày 03/01/2018, giấy đề nghị thanh toán ngày 28/6/2019, Công văn số 21/ĐKKD về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ngãi, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty H.

2. Công ty TNHH Sản xuất - Xây dựng và Thương mại H không có văn bản trình bày ý kiến, đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ lần thứ hai để đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không do trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại H (viết tắt là Công ty H) phải trả số tiền ông đã góp vốn vào Công ty H, tiền lương và lợi nhuận (tiền lãi kinh doanh) theo thỏa thuận tại các Hợp đồng góp vốn. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*" nhưng ông D không phải thành viên Công ty H theo quy định của luật doanh nghiệp, bản chất hợp đồng góp vốn giữa hai bên là ông D đóng góp tài sản (tiền VNĐ) cho Công ty H để cùng hợp tác làm ăn kinh doanh với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là: "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung**:

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Quốc D yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại H phải trả cho ông số tiền là 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty trách nhiệm Hữu hạn sản xuất – Xây dựng và Thương mại H, địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, đăng ký lần đầu ngày 19/06/2016, Giám đốc công ty đồng thời là người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Tấn T. Theo xác nhận của phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi hiện doanh nghiệp đang bị ghi cảnh báo trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia do doanh nghiệp không hoạt động trên địa chỉ đã đăng ký theo Thông báo số 4933/TB-CCT ngày 17/12/2019 của Chi cục thuế thành phố Quảng Ngãi.

[2.2] Theo hai hợp đồng góp ngày 03/01/2018 và ngày 05/02/2018 có nội dung bên góp vốn (bên A) là ông Nguyễn Quốc D thỏa thuận góp vốn cho bên nhận góp vốn (bên B) Công ty trách nhiệm Hữu hạn sản xuất – Xây dựng và Thương mại H với giá trị góp vốn hai lần tổng cộng là 150.000.000 đồng (Bút lục 52-55). Bên A đã giao đủ tiền cho bên B nhận bằng tiền mặt ngay vào thời điểm ký kết hợp đồng góp vốn. Mục đích góp vốn để kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty H. Nguyên đơn ông D trình bày do việc làm ăn của Công ty không đạt hiệu quả nên ông đã thông báo bằng giấy đề nghị thanh toán (về việc trả lại tiền vốn và tiền công năm 2018) cho bên Công ty biết và xin rút số tiền vốn, tiền công, lợi nhuận ông D đã góp vào Công ty. Nhận thấy, tại điểm f, khoản 2 Điều 6 của hai hợp đồng góp vốn hai bên thỏa thuận: "*Trường hợp, bên A có nhu cầu rút một phần hoặc toàn bộ vốn góp thì phải thông báo trước cho bên B trong 30 ngày (kể cả ngày lễ, thứ bảy, chủ nhật). Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên A thì bên B có trách nhiệm hoàn*

trả số vốn góp theo yêu cầu của bên A và tránh chậm trễ thời gian theo thỏa thuận này;...". Đồng thời, tại Giấy đề nghị thanh toán lần 3 đề ngày 28/3/2019 do ông Nguyễn Quốc D gửi Công ty H (ông Huỳnh Tấn T giám đốc đại diện đã trực tiếp nhận được giấy đề nghị xác nhận) và cam kết sau 03 tháng Công ty sẽ thanh toán cho ông D số tiền 150.000.000 đồng, chứng tỏ rằng Công ty H đã thống nhất chấm dứt hoàn toàn việc hợp tác kinh doanh với ông D. Do đó, ông D có quyền rút một phần vốn hặc toàn bộ phần vốn góp trước thời hạn và phải thông báo trước cho Công ty H trong 30 ngày kể từ ngày Công ty nhận được thông báo của ông D. Ông D đã thực hiện đúng theo thỏa thuận được ký kết tại hai hợp đồng góp vốn nêu trên và Công ty H có trách nhiệm hoàn trả số vốn góp theo yêu cầu của ông D. Công ty H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 150.000.000 đồng vốn góp cho ông D tại hai Hợp đồng góp vốn, mặt khác khi Công ty không còn hoạt động nhưng không thông báo cho ông D biết về địa chỉ của Công ty là cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán lại tiền góp vốn để hợp tác kinh doanh làm ăn cho nguyên đơn.

[2.3] Mặt khác, theo trình bày của ông Lê Duy T - nguyên là thành viên của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại H trình bày: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ông Tân là thành viên Công ty với tỷ lệ góp vốn được ghi là 5% nhưng thực tế 100% vốn góp thành lập doanh nghiệp do ông Huỳnh Tấn T là giám đốc, đại diện theo pháp luật. Việc ông D góp số tiền để hợp tác làm ăn với Công ty H ông không rõ vì mọi hoạt động kinh doanh của Công ty H đều do ông Huỳnh Tấn T quyết định. Sau này ông D vào làm tại Công ty H một thời gian thì ông mới biết sự việc, nay ông D xin rút vốn là trách nhiệm của công ty, Công ty H phải chịu trách nhiệm giải quyết ông không có ý kiến gì, ông đã nghỉ việc tại Công ty không liên quan gì trong vụ án này.

[2.4] Tòa án cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại H theo đúng qui định pháp luật, nhưng Công ty không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu chứng cứ gì, không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc theo quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty H phải trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền ông D đã góp vào Công ty 150.000.000 đồng là phù hợp theo qui định tại khoản 1 Điều 504, khoản 1, 2 Điều 510, Điều 512 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tại biên bản phiên họp ngày 08/07/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty H trả cho ông tiền công ông làm việc tại Công ty là 18.000.000 đồng và tiền lợi nhuận là 9.538.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện cuả nguyên đơn là

hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn.

[4] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công ty trách nhiệm Hữu hạn sản xuất – Xây dựng và Thương mại H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Nguyễn Quốc D là 7.500.000 đồng, {(150.000.000 đồng x 5%)}.

Ông Nguyễn Quốc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông D tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 227, 228, Điều 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 504, khoản 1, 2 Điều 510, Điều 512 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc D. Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại H phải trả cho ông Nguyễn Quốc D số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tiền công 18.000.000 đồng và tiền lợi nhuận là 9.538.000 đồng của ông Nguyễn Quốc D đối với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại H.

Ông Nguyễn Quốc D có quyền nộp lại đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

3/ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*).

4/ Ông Nguyễn Quốc D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quốc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.438.000 đồng (*Bốn triệu, bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0003343 ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

5/ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Công ty trách nhiệm Hữu hạn sản xuất – Xây dựng và Thương mại H vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS T.P Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Mai Hạnh